

**Biểu mẫu 05**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT THƯỜNG TÍN

TRƯỜNG TH & THCS THẮNG LONG

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 - 2024**  
(Tính đến 15/9/2023)

| STT | Nội dung                                                                                                                                 | Chia theo khối lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                               |                               |                               |                               |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|     |                                                                                                                                          | Lớp 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Lớp 2                         | Lớp 3                         | Lớp 4                         | Lớp 5                         |
| I   | Điều kiện tuyển sinh                                                                                                                     | -Học sinh thuộc địa Huyện Thường Tín và địa bàn các Huyện lân cận<br><b>Độ tuổi:</b> trẻ đủ 6 tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hoàn thành chương trình lớp 1 | Hoàn thành chương trình lớp 2 | Hoàn thành chương trình lớp 3 | Hoàn thành chương trình lớp 4 |
| II  | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ                                                                                         | -Lớp 1-2-3-4: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.<br>-Lớp 5: Thực hiện chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành theo QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc <i>ban hành chương trình giáo dục phổ thông - cấp tiểu học</i> và theo chuẩn kiến thức – kĩ năng của từng môn học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                               |                               |                               |                               |
| III | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.<br>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh                                          | <b>1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:</b><br>-Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh.<br>- Hợp Cha Mẹ học sinh ít nhất 2 lần/ năm<br>- Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục học tập, năng lực và phẩm chất của học sinh theo từng tháng, từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN, với ban giám hiệu để cùng phối hợp giáo dục HS.<br><b>2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</b><br>- HS phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một HS tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường.<br>- Thái độ học tập tích cực, chủ động.<br>- Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy.<br>- Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật.<br>- Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ. |                               |                               |                               |                               |
| IV  | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...) | - Đủ phòng học cho học sinh 1 lớp/ phòng. Bố trí được học 2 buổi/ ngày . Trong mỗi phòng học được trang bị bàn ghế, bảng chống loá, điện, quạt, thiết bị dạy học ứng dụng CNTT, tủ đựng ĐDDH đúng quy cách phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh.<br>- Các phòng học bộ môn duy trì, hoạt động thường xuyên, phục vụ cho việc dạy – học (phòng Tin học, thư viện.. ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               |                               |                               |                               |
| V   | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục                                                                    | - Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh.<br>- Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                               |                               |                               |                               |

|             |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các buổi sinh hoạt tập thể, các sân chơi, tổ chức các hoạt động vệ sinh, thăm nhà lưu niệm hay thăm viếng nghĩa trang và các hoạt động khác để giáo dục toàn diện cho học sinh.</li> </ul>                                                                                                              |
| <b>VI</b>   | <b>Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn theo Luật GD 2020;</li> <li>- Phương pháp quản lý nhà trường thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học, theo quy chế của ngành, và quy định của nhà trường</li> </ul>                                                                                                                               |
| <b>VII</b>  | <b>Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực, đều đạt được Chuẩn kiến thức-kỹ năng theo quy định của từng khối lớp, phần đầu có 100 % HS lên lớp thẳng và 100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học.</li> <li>- Duy trì sĩ số: 100%</li> <li>- Cuối năm học, 100% HS đều có đủ sức khỏe để học tập, sinh hoạt, vui chơi.</li> </ul> |
| <b>VIII</b> | <b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc.</li> <li>- Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.</li> <li>- Kết quả sau kiểm tra đánh giá lại có 99,8 % số học sinh có đủ kiến thức, kỹ năng để tiếp tục theo học các lớp trên.</li> </ul>                                                                                                                                  |

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**  
*(Đã ký)*

**Phạm Thị Bích Ngọc**

**Biểu mẫu 06**

PHÒNG GD&ĐT THƯỜNG TÍN  
TRƯỜNG TH & THCS THẮNG LONG

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 -2023**  
(Tính đến 15/9/2023)

| STT        | Nội dung                                                           | Tổng số             | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |       |
|------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|-------|
|            |                                                                    |                     | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5 |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số học sinh</b>                                            | 384                 | 91                    | 104          | 92           | 97           |       |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>                                 | 384                 | 91                    | 104          | 92           | 97           |       |
| <b>III</b> | <b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>                   | Có phụ lục kèm theo |                       |              |              |              |       |
| 1          | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                      |                     |                       |              |              |              |       |
| 2          | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                      |                     |                       |              |              |              |       |
| 3          | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                              |                     |                       |              |              |              |       |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>                       | 384                 | 91                    | 104          | 92           | 97           |       |
| 1          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                           | 298<br>77.6%        | 86<br>94.51%          | 86<br>82.69% | 55<br>59.78% | 71<br>73.2%  |       |
| 2          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                               | 86<br>22.4%         | 5<br>5.49%            | 18<br>17.31% | 37<br>40.22% | 26<br>26.8%  |       |
| 3          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                          | 0<br>0%             | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |       |
| <b>V</b>   | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                   |                     |                       |              |              |              |       |
| 1          | Lên lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                  | 384                 | 91                    | 104          | 92           | 97           |       |
| a          | Trong đó:<br>HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số) | 248<br>64.58%       | 79<br>86.81%          | 69<br>66.35% | 47<br>51.2%  | 53<br>54.64% |       |
| b          | HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)                | 22<br>5.73%         | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 6<br>6.52%   | 16<br>16.49% |       |
| 2          | Ở lại lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                | 0<br>0%             | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |       |

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**  
(Đã ký)

**Phạm Thị Bích Ngọc**

**Biểu mẫu 07****PHÒNG GD&ĐT THƯỜNG TÍN  
TRƯỜNG TH &THCS THĂNG LONG****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường TH&THCS Thăng Long,  
năm học 2022 -2023**

| STT         | Nội dung                                                                           | Số lượng             | Bình quân                    |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Số phòng học/số lớp</b>                                                         | 24/24                | Số m <sup>2</sup> /học sinh. |
| <b>II</b>   | <b>Loại phòng học</b>                                                              |                      |                              |
| 1           | Phòng học kiên cố                                                                  | 24/24                | 2.36m <sup>2</sup>           |
| 2           | Phòng học bán kiên cố                                                              | 0                    | 0                            |
| 3           | Phòng học tạm                                                                      | 0                    | 0                            |
| 4           | Phòng học nhờ (C3)                                                                 | 0                    | 0                            |
| <b>III</b>  | <b>Số điểm trường</b>                                                              | 0                    | 0                            |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>                                          | 8067m <sup>2</sup>   | 10.8m <sup>2</sup>           |
| <b>V</b>    | <b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>                                 |                      |                              |
| <b>VI</b>   | <b>Tổng diện tích các phòng</b>                                                    | 4140 m <sup>2</sup>  | 5.54m <sup>2</sup>           |
| 1           | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )                                              | 1872m <sup>2</sup>   | 2.5m <sup>2</sup>            |
| 3           | Diện tích thư viện P201 (m <sup>2</sup> )                                          | 78m <sup>2</sup>     | 2.36m <sup>2</sup>           |
| 4           | Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )        | 2,034 m <sup>2</sup> | 61.6m <sup>2</sup>           |
| 5           | Diện tích phòng giáo dục âm nhạc (m <sup>2</sup> )                                 | 78m <sup>2</sup>     | 2.36m <sup>2</sup>           |
| 6           | Diện tích phòng tin học (m <sup>2</sup> )                                          | 78m <sup>2</sup>     | 2.36m <sup>2</sup>           |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu<br/>(Đơn vị tính: bộ)</b>                    | 24                   | Số bộ/lớp                    |
| 1           | Khối lớp 1                                                                         | 3                    | 1bộ/lớp                      |
| 2           | Khối lớp 2                                                                         | 3                    | 1bộ/lớp                      |
| 3           | Khối lớp 3                                                                         | 3                    | 1bộ/lớp                      |
| 4           | Khối lớp 4                                                                         | 3                    | 1bộ/lớp                      |
| 5           | Khối lớp 5                                                                         | 3                    | 1bộ/lớp                      |
| 6           | Khối lớp 6                                                                         | 2                    | 1bộ/lớp                      |
| 7           | Khối lớp 7                                                                         | 2                    | 1bộ/lớp                      |
| 8           | Khối lớp 8                                                                         | 2                    | 1bộ/lớp                      |
| 9           | Khối lớp 9                                                                         | 3                    | 1bộ/lớp                      |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng<br/>phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b> | <b>35</b>            | Số học sinh/bộ               |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị</b>                                                            | 26                   | Số thiết bị/lớp              |
| 1           | Ti vi                                                                              | 0                    |                              |
| 2           | Cát xét                                                                            | 0                    |                              |
| 3           | Đầu Video/đầu đĩa                                                                  | 0                    |                              |
| 4           | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể                                               | 24                   |                              |
| 5           | Đàn organ                                                                          | 2                    |                              |

|   |                           |   |  |
|---|---------------------------|---|--|
| 6 | Đàn Medolen               | 0 |  |
| 7 | Bảng trưng tác thông minh | 0 |  |

|           |                      |                           |
|-----------|----------------------|---------------------------|
|           | Nội dung             | Số lượng(m <sup>2</sup> ) |
| <b>X</b>  | <b>Nhà bếp</b>       |                           |
| <b>XI</b> | <b>Nhà ăn 2 tầng</b> | 2.011m2                   |

|             |                                        |                                                  |        |                         |
|-------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|-------------------------|
|             | Nội dung                               | Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| <b>XII</b>  | <b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b> | 55 phòng                                         |        | 27m2/phòng              |
| <b>XIII</b> | <b>Khu nội trú</b>                     |                                                  |        |                         |

| <b>XIV</b> | <b>Nhà vệ sinh</b>      | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /học sinh |        |
|------------|-------------------------|--------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
|            |                         |                    | Chung             | Nam/Nữ | Chung                       | Nam/Nữ |
| 1          | Đạt chuẩn vệ sinh*      | x                  |                   | x      |                             |        |
| 2          | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* |                    |                   |        |                             |        |

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

|              |                                                     |    |       |
|--------------|-----------------------------------------------------|----|-------|
|              |                                                     | Có | Không |
| <b>XV</b>    | <b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>             | x  |       |
| <b>XVI</b>   | <b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>           | x  |       |
| <b>XVII</b>  | <b>Kết nối internet</b>                             | x  |       |
| <b>XVIII</b> | <b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b> | x  |       |
| <b>XIX</b>   | <b>Tường rào xây</b>                                | x  |       |

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**  
 (Đã ký)

**Phạm Thị Bích Ngọc**

**Biểu mẫu 08**

PHÒNG GD&ĐT THƯỜNG TÍN  
TRƯỜNG TH & THCS THẮNG LONG

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Tiểu học & Trung học cơ sở Thắng Long  
Năm học: 2023-2024.**

| ST<br>T    | Nội dung                                                                                                                            | Tổng<br>số | Trình độ đào tạo |           |           |    | Hạng chức danh nghề<br>nghiệp |            |           | Chuẩn nghề nghiệp |     |   |     |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----------|-----------|----|-------------------------------|------------|-----------|-------------------|-----|---|-----|
|            |                                                                                                                                     |            | T<br>S           | ThS       | ĐH        | CD | Hạng<br>III                   | Hạng<br>II | Hạng<br>I | T                 | Khá | Đ | Kém |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên<br/>Và các HĐ khác ( khoản<br/>việc ngân hạn, thỉnh<br/>giảng, HĐ theo ND 68)</b> | <b>52</b>  |                  | <b>32</b> | <b>20</b> |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                                                                                                    | <b>43</b>  |                  | <b>30</b> | <b>13</b> |    | <b>37</b>                     | <b>6</b>   |           |                   |     |   |     |
|            | Trong đó số giáo viên dạy môn:                                                                                                      |            |                  |           |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>1</b>   | Toán                                                                                                                                | 6          | 1                | 3         | 2         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>2</b>   | Lý-Công nghệ                                                                                                                        | 3          |                  | 2         | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>3</b>   | Hóa                                                                                                                                 | 1          | 1                |           |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>4</b>   | Sinh học                                                                                                                            | 2          | 1                | 1         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>5</b>   | Ngữ văn                                                                                                                             | 8          |                  | 2         | 6         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>6</b>   | Lịch Sử-GDGD                                                                                                                        | 5          |                  | 5         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>7</b>   | Địa lí                                                                                                                              | 2          |                  | 2         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>8</b>   | Tiếng Anh                                                                                                                           | 4          |                  | 3         | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>9</b>   | Thể dục                                                                                                                             | 5          |                  | 4         | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>10</b>  | Âm nhạc                                                                                                                             | 2          |                  | 2         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>11</b>  | Mĩ thuật                                                                                                                            | 2          |                  | 2         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>12</b>  | Tin học                                                                                                                             | 1          |                  | 1         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                                                                                               | <b>3</b>   |                  |           |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>1</b>   | P. Hiệu trưởng (phụ trách)                                                                                                          | 1          |                  | 1         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>2</b>   | Phó hiệu trưởng                                                                                                                     | 2          |                  | 2         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                                                                                                    | <b>9</b>   |                  | <b>3</b>  | <b>6</b>  |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>1</b>   | Nhân viên văn thư                                                                                                                   | 1          |                  |           | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>2</b>   | Nhân viên kế toán                                                                                                                   | 1          |                  |           | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>3</b>   | Thủ quỹ                                                                                                                             | 1          |                  |           | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>4</b>   | Nhân viên y tế                                                                                                                      | 1          |                  |           | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>5</b>   | Nhân viên thư viện                                                                                                                  | 1          |                  |           | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>6</b>   | Nhân viên thiết bị thí nghiệm                                                                                                       | 1          |                  | 1         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>7</b>   | Nhân viên hỗ trợ giáo dục tâm lý học đường                                                                                          | 1          |                  | 1         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>8</b>   | Nhân viên công nghệ thông tin                                                                                                       | 1          |                  | 1         |           |    |                               |            |           |                   |     |   |     |
| <b>9</b>   | Bảo vệ                                                                                                                              | 1          |                  |           | 1         |    |                               |            |           |                   |     |   |     |

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**  
(Đã ký)

**Phạm Thị Bích Ngọc**

**Biểu mẫu 09**

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN THƯỜNG TÍN  
TRƯỜNG TH&THCS THĂNG LONG

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường TH&THCS Thăng Long (Cấp THCS)**

**Năm học: 2023 - 2024**

**(Số liệu tính đến 15/9 năm học 2023 - 2024)**

| STT        | Nội dung                                                                                            | Chia theo khối lớp                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                     | Lớp 6                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Lớp 7                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Lớp 8                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Lớp 9                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>I</b>   | <b>Điều kiện tuyển sinh</b>                                                                         | - HS hoàn thành chương trình tiểu học trong độ tuổi từ 11 đến 13<br>- Tuyển sinh riêng                                                                                                                                                                                                         | HS học hết chương trình lớp 6 được xếp loại học tập và rèn luyện từ đạt trở lên                                                                                                                                                                                                                | HS học hết chương trình lớp 7 được kết quả học tập loại HT và năng lực phẩm chất từ đạt trở lên                                                                                                                                                                                                | HS học hết chương trình lớp 8 được kết quả học tập loại HT và năng lực phẩm chất từ đạt trở lên                                                                                                                                                                                                |
| <b>II</b>  | <b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</b>                                            | Thực hiện chương trình theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 (2/2 lớp)                                                                                                                                                                                                                     | Thực hiện chương trình theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 (2/2 lớp)                                                                                                                                                                                                                     | Thực hiện chương trình theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 (2/2 lớp)                                                                                                                                                                                                                     | Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006 (3/3 lớp)                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b> | - Nhà trường quản lý các hoạt động giáo dục trên lớp. Gia đình quản lý thời gian học ở nhà. Tạo mọi điều kiện cho con em tham gia các hoạt động học tập, giáo dục.<br>- Thường xuyên thực hiện thông tin hai chiều<br>- Yêu cầu thái độ học tập của HS nghiêm túc, chủ động, tự giác, tích cực | - Nhà trường quản lý các hoạt động giáo dục trên lớp. Gia đình quản lý thời gian học ở nhà. Tạo mọi điều kiện cho con em tham gia các hoạt động học tập, giáo dục.<br>- Thường xuyên thực hiện thông tin hai chiều<br>- Yêu cầu thái độ học tập của HS nghiêm túc, chủ động, tự giác, tích cực | - Nhà trường quản lý các hoạt động giáo dục trên lớp. Gia đình quản lý thời gian học ở nhà. Tạo mọi điều kiện cho con em tham gia các hoạt động học tập, giáo dục.<br>- Thường xuyên thực hiện thông tin hai chiều<br>- Yêu cầu thái độ học tập của HS nghiêm túc, chủ động, tự giác, tích cực | - Nhà trường quản lý các hoạt động giáo dục trên lớp. Gia đình quản lý thời gian học ở nhà. Tạo mọi điều kiện cho con em tham gia các hoạt động học tập, giáo dục.<br>- Thường xuyên thực hiện thông tin hai chiều<br>- Yêu cầu thái độ học tập của HS nghiêm túc, chủ động, tự giác, tích cực |
| <b>IV</b>  | <b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b>                        | Đảm bảo theo yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đảm bảo theo yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đảm bảo theo yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đảm bảo theo yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                   | Học hai buổi ngày; Bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức các hoạt động NGLL, HĐTT tăng cường giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh                                                                                                      | Học hai buổi ngày; Bồi dưỡng, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức các hoạt động NGLL, HĐTT tăng cường giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh                                                                                                          | Học hai buổi ngày; Bồi dưỡng, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức các hoạt động NGLL, HĐTT tăng cường giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh                                                                                                          | Học hai buổi ngày; Bồi dưỡng, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức các hoạt động NGLL, HĐTT tăng cường giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh                                                                                                                                                                                      |
| <b>V</b>  | <b>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe học sinh dự kiến đạt được</b> | Số HS: 63 số lớp 02<br>+ Phẩm chất: 100% từ Đạt trở lên<br>+ Năng lực: 100% từ Đạt trở lên<br>+ Học tập: 100% học sinh có kết quả học tập từ mức Đạt trở lên.<br>+ Học sinh có sức khỏe tốt, đảm bảo tham gia hiệu quả các hoạt động học tập và rèn luyện | Số HS: 67 số lớp 02<br>+ Phẩm chất: 100% từ Đạt trở lên<br>+ Năng lực: 100% từ Đạt trở lên<br>+ Học tập: 100% học sinh có kết quả học tập từ mức Đạt trở lên.<br>+ Học sinh có sức khỏe tốt, đảm bảo tham gia hiệu quả các hoạt động học tập và rèn luyện | Số HS: 58 số lớp 02<br>+ Phẩm chất: 100% từ Đạt trở lên<br>+ Năng lực: 100% từ Đạt trở lên<br>- Học tập: 100% học sinh có kết quả học tập từ mức Đạt trở lên.<br>- Học sinh có sức khỏe tốt, đảm bảo tham gia hiệu quả các hoạt động học tập và rèn luyện | Số HS: 87 số lớp 03<br>+ Phẩm chất: 100% từ Đạt trở lên<br>+ Năng lực: 100% từ Đạt trở lên<br>- Học tập: 100% học sinh có kết quả học tập từ mức Đạt trở lên.<br>100% học sinh tốt nghiệp THCS. Trên 90% HS thi vào lớp 10 THPT công lập.<br>- Học sinh có sức khỏe tốt, đảm bảo tham gia hiệu quả các hoạt động học tập và rèn luyện |
| <b>VI</b> | <b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>                                     | Có khả năng tiếp tục học lên lớp 7                                                                                                                                                                                                                        | Có khả năng tiếp tục học lên lớp 8                                                                                                                                                                                                                        | Có khả năng tiếp tục học lên lớp 9                                                                                                                                                                                                                        | Có khả năng tiếp tục học lên THPT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**  
*(Đã ký)*

**Phạm Thị Bích Ngọc**

**Biểu mẫu 10**  
**PHÒNG GD & ĐT HUYỆN THƯỜNG TÍN**  
**TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LONG**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường TH&THCS Thăng Long**  
**Năm học 2022 - 2023**  
**(Số liệu tính đến 15/9 năm học 2023 - 2024)**

| STT        | Nội dung                                                                     | Tổng số   | Chia ra theo khối lớp |                     |       |       |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|---------------------|-------|-------|
|            |                                                                              |           | Lớp 6<br>(GDPT2018)   | Lớp 7<br>(GDPT2018) | Lớp 8 | Lớp 9 |
| <b>I</b>   | <b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>                                       | 269       | 63                    | 57                  | 87    | 62    |
| 1          | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 76.21     | 74.6                  | 78.95               | 60.92 | 96.77 |
| 2          | Khá<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 20.45     | 22.22                 | 17.54               | 33.33 | 3.23  |
| 3          | Trung bình<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                         | 3.35      | 3.17                  | 3.51                | 5.75  | 0     |
| 4          | Yếu<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 0         | 0                     | 0                   | 0     | 0     |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh chia theo học lực</b>                                         | 269       | 63                    | 57                  | 87    | 62    |
| 1          | Giỏi<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                               | 14.13     | 19.05                 | 15.79               | 3.45  | 22.58 |
| 2          | Khá<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 52.79     | 65.08                 | 49.12               | 43.68 | 56.45 |
| 3          | Trung bình<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                         | 33.09     | 15.87                 | 35.09               | 52.87 | 20.97 |
| 4          | Yếu<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 0         | 0                     | 0                   | 0     | 0     |
| 5          | Kém<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 0         | 0                     | 0                   | 0     | 0     |
| <b>III</b> | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                             | 269       | 63                    | 57                  | 87    | 62    |
| 1          | Lên lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                            | 100       | 100                   | 100                 | 100   | 100   |
| a          | Học sinh giỏi<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                      | 14.13%    | 19.05                 | 15.79               | 3.45  | 22.58 |
| b          | Học sinh tiên tiến<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                 | 48.99%    | TT 22 không XL này    |                     | 43.68 | 56.45 |
| 2          | Thi lại<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                            | 0         | 0                     | 0                   | 0     | 0     |
| 3          | Lưu ban<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                            | 0         | 0                     | 0                   | 0     | 0     |
| 4          | Chuyển trường đến/đi<br>(tỷ lệ so với tổng số)                               | 3.72/3.72 |                       |                     |       |       |
| 5          | Bị đuổi học<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                        | 0         | 0                     | 0                   | 0     | 0     |
| 6          | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0         | 0                     | 0                   | 0     | 0     |

|             |                                                                        |         |   |   |   |   |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|---------|---|---|---|---|
| <b>IV</b>   | <b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>                   |         |   |   |   |   |
| 1           | Cấp huyện                                                              |         |   |   |   |   |
| 2           | Cấp tỉnh/thành phố                                                     |         |   |   |   |   |
| 3           | Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế                                 |         |   |   |   |   |
| <b>V</b>    | <b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>                       | 62      |   |   |   |   |
| <b>VI</b>   | <b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>                           | 62      |   |   |   |   |
| 1           | Giỏi<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                         | 22.58%  |   |   |   |   |
| 2           | Khá<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                          | 56.45%  |   |   |   |   |
| 3           | Trung bình<br>(Tỷ lệ so với tổng số)                                   | 20.97%  |   |   |   |   |
| <b>VII</b>  | <b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng<br/>(tỷ lệ so với tổng số)</b> | 0       | 0 | 0 | 0 | 0 |
| <b>VIII</b> | <b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>                                  | 156/113 |   |   |   |   |
| <b>IX</b>   | <b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>                                    | 1       |   |   |   |   |

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**  
*(Đã ký)*

**Phạm Thị Bích Ngọc**